

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị phục vụ cho các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước năm 2025
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 10 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng; 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 05 ngày;
- Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không có.

#### 1.2. Mục tiêu dự án:

Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, toàn bộ chức năng quản lý nhà nước trung gian (cấp huyện) được chuyển trực tiếp về tỉnh và xã.

Điều này khiến khối lượng công việc, dữ liệu, giao dịch điện tử, và yêu cầu báo cáo từ cấp xã tăng mạnh, trong khi:

- Nhiều xã có hạ tầng CNTT cũ, không đồng bộ;
- Trang thiết bị văn phòng thiếu và lạc hậu;
- Hệ thống mạng, điện, và phương tiện làm việc không đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số.

Do đó, đầu tư trang thiết bị văn phòng là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành sau sáp xếp. Nhằm mục đích:

- Đảm bảo điều kiện làm việc cơ bản cho Cán bộ Công chức cấp xã.
- Mỗi xã/phường cần có đầy đủ máy tính, bàn ghế, máy in, thiết bị mạng, điện chiếu sáng...
- Giúp cán bộ thực hiện các nghiệp vụ hành chính, tài chính, kế toán, tiếp dân, văn thư, quản lý văn bản điện tử.
- Phục vụ chuyển đổi số và vận hành chính quyền điện tử
- Trang thiết bị mới giúp triển khai các ứng dụng của Bộ Tài chính, KBNN, Thuế, Bảo hiểm, Cổng DVC quốc gia.
- Bảo đảm truy cập TABMIS, DVC KBNN, MISA, phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, và các phần mềm nội bộ.

- Tăng năng suất, giảm sai sót và nâng cao chất lượng phục vụ người dân
- Trang thiết bị hiện đại giúp thao tác nhanh, chính xác, giảm thời gian xử lý hồ sơ.
- Góp phần chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ điện tử giữa xã và các cơ quan cấp trên.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đồng bộ.
- Góp phần ổn định tổ chức bộ máy sau sáp nhập, giảm tâm lý xáo trộn.
- Đảm bảo hình ảnh cơ quan hành chính nhà nước hiện đại, minh bạch, thân thiện.

### **1.3. Yêu cầu về kỹ thuật**

Các yêu cầu chung về các mặt hàng chủ yếu cung cấp cho gói thầu:

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá theo yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu phải ghi rõ: Tên, model (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ cụ thể của hàng hóa dự thầu, phải chào 1 loại hàng hoá cụ thể, không được chào nhiều loại hoặc ghi 'tương đương'.
- Nhà thầu phải cung cấp các thông tin cần thiết đối với hàng hóa cung cấp cho gói thầu như: Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (mã hiệu, hãng, nước, năm sản xuất), các thông số kỹ thuật, ...
- Tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật chào thầu, nếu là ngôn ngữ không phải Tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch);
- Nhà thầu phải cung cấp các chứng nhận, tài liệu cần thiết đối với hàng hóa theo yêu cầu và dịch vụ cung cấp (nếu có);
- Biện pháp, quy trình quản lý thực hiện.
- Quản lý chất lượng nhà thầu phải có biện pháp, quy trình quản lý chất lượng từ khi ký hợp đồng đến khi kết thúc bàn giao đảm bảo yêu cầu tốt nhất của chủ đầu tư.
- Quy trình và kế hoạch triển khai Gói thầu: nhà thầu phải thuyết minh cụ thể các công việc phải thực hiện để đảm bảo các bước theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- Biện pháp vận chuyển và bàn giao hàng hóa: phải nêu cụ thể phương pháp

vận chuyển không làm ảnh hưởng chất lượng sản phẩm, khi giao hàng phải có biện pháp kiểm tra thử nghiệm, trong đó nêu rõ trách nhiệm các bên trong quá trình giao nhận.

- Nhà thầu cam kết trong vòng 24 giờ (sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư), nhà thầu phải có mặt để kiểm tra, sửa chữa hay thay thế.

Trong bảng tóm tắt thông số kỹ thuật, thông số kỹ thuật của hàng hoá, tiêu chuẩn sản xuất, Nhà sản xuất được đưa ra dưới đây. **Được hiểu rằng Nhà thầu có thể sử dụng bất kỳ sản phẩm, nhãn hiệu của bất cứ Nhà sản xuất nào, không bắt buộc Nhà thầu phải chọn đúng theo Nhà sản xuất trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây nhưng Nhà thầu phải chứng minh được rằng các đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng và chất lượng tương đương (bằng hoặc cao hơn) với yêu cầu chi tiết kỹ thuật đã nêu trong hồ sơ và đảm bảo phù hợp với Quy phạm, Tiêu chuẩn Nhà nước quy định hiện hành.**

Nhà thầu khi chọn đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng và chất lượng tương đương (bằng hoặc cao hơn) với yêu cầu chi tiết kỹ thuật đã nêu đề nghị nhà thầu phải có trách nhiệm:

**+ Chứng minh được tính năng kỹ thuật, tính năng sử dụng và chất lượng tương đương (bằng hoặc cao hơn).**

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:*

**- Bảng thông số kỹ thuật hàng hóa theo file đính kèm**

#### **1.4. Các yêu cầu khác**

+ Trước khi lắp đặt sản phẩm, hàng hoá, Nhà thầu phải có thông báo cho Chủ đầu tư và phải chịu sự kiểm tra về kỹ thuật, chất lượng, số lượng của hàng hoá, sản phẩm đó mới được đưa vào lắp đặt.

+ Vào bất cứ thời điểm nào trong thời hạn bảo hành, nếu sản phẩm, hàng hoá đã lắp đặt của Nhà thầu bị phát hiện là không đúng với phẩm chất đã yêu cầu của E-HSMT thì bắt buộc Nhà thầu phải thay thế bằng một sản phẩm, hàng hoá có chất lượng theo đúng yêu cầu hoặc cao hơn.

+ Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, kiểm định tính năng kỹ thuật, tính năng sử dụng và chất lượng mà nhà thầu đưa ra khác với yêu cầu chi tiết kỹ thuật nêu trong hồ sơ chào hàng cạnh tranh thông qua một đơn vị có chức năng.

Nhà thầu phải cam kết đảm bảo cung cấp đầy đủ phụ tùng, vật tư thay thế

theo thời gian quy định là 05 năm (các phụ kiện kèm theo phải đầy đủ, đồng bộ đảm bảo cho thiết bị hoạt động đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của nhà sản xuất).

***Các hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải cung cấp Chứng nhận tiêu chuẩn như sau:***

- Đối với mặt hàng dự thầu nhà thầu cần cung cấp: Catalogue, chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Trường hợp các tài liệu là tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt và có xác nhận của nhà thầu hoặc hãng sản xuất/phân phối.

### **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ.

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Tiến hành chạy thử xem trước khi nghiệm thu. Trong quá trình thực hiện và cung cấp hàng hóa, nếu cần thiết Chủ đầu tư sẽ mang sản phẩm đi kiểm tra và thử nghiệm tại một đơn vị độc lập có đủ tư cách pháp nhân và chức năng kiểm định giám định, hoặc tại một cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Hai bên phải đảm bảo an toàn trong giao nhận hàng hoá. Nếu bên nào không đảm bảo an toàn trong giao nhận để xảy ra sự cố thì phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước cơ quan pháp luật và bồi thường thiệt hại gây ra.

- Hai bên tiến hành giao nhận số lượng theo số lượng Chủ đầu tư yêu cầu.

- Lập biên bản nghiệm thu, có đầy đủ các chữ ký của các bên để làm cơ sở thanh toán.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.

STT	Danh mục thiết bị	Nội dung thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
I	<b>Ban chỉ huy quân sự</b>			
1	<b>Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Bộ	1
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-14500 2.6GHz (Bộ nhớ đệm 24MB, tối đa 5.0GHz, 14 nhân, 20 luồng)		
	Chipset	Intel® B760 Chipset		
	Bộ nhớ RAM	8GB DDR5 U-DIMM		
	Tốc độ RAM	5600MHz, nhưng chạy ở mức 4000~4400MHz		
	RAM tối đa	64GB		
	Đồ họa tích hợp	Intel® UHD Graphics 770		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Ổ đĩa quang	Không có		
	Mạng LAN	Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro		
	Âm thanh	Âm thanh 7.1 kênh chuẩn HD		
	Không dây	Wi-Fi 6 (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.4		
	Nguồn điện	180W (80+ Bronze, công suất cực đại 228W)		
	Cổng kết nối phía sau (Rear I/O Port)	1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA; 1x âm thanh 7.1 kênh (mic, line-out, line-in); 1x khóa Kensington; 1x vòng khóa Padlock; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A		
	Cổng kết nối phía trước (Front I/O Port)	1x cổng tai nghe; 1x jack âm thanh combo 3.5mm; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A		
	Khoang ổ cứng (Drive Bay)	1x 2.5"; 1x 3.5"		
	Serial ATA	4x SATA 6.0Gb/s		
	Khe mở rộng (Expansion Slot)	1x PCIe® 4.0 x16; 2x PCIe® 3.0 x1; 1x M.2 2280 cho lưu trữ; 1x M.2 2280/2230		

		cho lưu trữ; 1x M.2 cho WiFi; 2x khe RAM DDR5 U-DIMM		
	Bàn phím & Chuột	Bàn phím có dây (USB); Chuột quang có dây (USB)		
	Kích thước (WxDxH)	15.50 x 29.60 x 34.70 cm (6.10" x 11.65" x 13.66")		
	Trọng lượng	6.00 kg (13.23 lbs)		
	Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Hồ sơ quạt; AppDeals		
	Bảo mật	Bảo vệ mật khẩu người dùng HDD; Khe khóa Kensington Security Slot™ (7x 3mm); Vòng khóa Padlock; Trusted Platform Module (Firmware TPM)		
	Phần mềm diệt virus	McAfee® dùng thử 30 ngày		
	TPM	Trusted Platform Module (TPM) 2.0		
	Chứng nhận sinh thái	Không có		
	Bảo hành cơ bản	2 năm dịch vụ tại chỗ (OnSite)		
	Loại màn hình	Phẳng		
	Kích thước màn hình	23.8 inch		
	Độ phân giải	Full HD (1920 x 1080)		
	Màn hình cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tấm nền	IPS		
	Tần số quét	120 Hz		
	Thời gian đáp ứng	1ms (MPRT)		
	Công nghệ màn hình	Chống nháy (Flicker-free); Shadow Boost; Motion Sync; HDCP 1.4; GameFast Input; Eye Care+; QuickFit; Nhiệt độ màu (4 chế độ); Trace Free; SPLENDID; GamePlus; Low Blue Light; Adaptive-Sync		
	Độ phủ màu	99% sRGB		
	Số lượng màu	16.7 triệu màu		
	Độ sáng	300 cd/m <sup>2</sup>		
	Độ tương phản tĩnh	1500:01:00		
	Góc nhìn	178° (Dọc) / 178° (Ngang)		
	Tính đồng bộ:	Linh kiện máy tính và màn hình phải đồng bộ Hãng sản xuất		
2	Máy in A3	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Chức năng	In Laser A3		
	Độ phân giải	1200 x 1200 dpi		

	Khổ giấy	A3, A4, A5, B5, 16K		
	Kết nối	USB 2.0		
	Tốc độ in trang đầu tiên	9 giây		
	Tốc độ in đen trắng	35 trang/phút		
	Bộ nhớ tiêu chuẩn	256MB		
	Hộp mực thay thế	HP 93A Black LaserJet Toner Cartridge		
	Kích thước	500 x 425 x 295 mm (chỉ máy)		
		500 x 840 x 295 (cả hộp)		
	Trọng lượng	17 kg (chỉ máy)		
		24.3 kg (cả hộp)		
<b>II Văn phòng HĐND và UBND xã</b>				
<b>1</b>	<b>Máy tính xách tay</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	<b>Cái</b>	<b>1</b>
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Vỏ màn hình	Nhựa		
	Màu vỏ màn hình	Đen Star Black		
	Vỏ trên	Nhựa		
	Màu vỏ trên	Đen Star Black		
	Vỏ dưới	Nhựa		
	Màu vỏ dưới	Đen Star Black		
	Độ bền quân sự	Chuẩn quân đội Mỹ US MIL-STD 810H		
	Kích thước màn hình	14.0 inch		
	Đèn nền	LED Backlit		
	Độ sáng	250 nits		
	Độ phân giải	FHD (1920 x 1080), tỷ lệ 16:9		
	Chống chói	Màn hình chống lóa		
	Dải màu	NTSC: 45%		
	Góc nhìn (Ngang/Dọc)	90°/65°		
	Thời gian phản hồi	10/20 ms		
	Tần số quét	60Hz		
	Tỷ lệ tương phản	500:01:00		
	Cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tỷ lệ màn hình/thân máy	81%		
	Tấm nền	TN		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-1335U 1.3GHz (Bộ nhớ đệm 12MB, tối đa 4.6GHz, 10 nhân)		
	Đồ họa	Intel® UHD Graphics (dùng chung bộ nhớ)		

	Khe cắm mở rộng	1x DDR4 SO-DIMM, 1x M.2 2280 PCIe 4.0x4		
	RAM hàn sẵn	8GB DDR4 on board		
	Tổng RAM hệ thống	DDR4 8GB		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Camera trước	720p HD, có màn che bảo mật		
	Kết nối không dây	Wi-Fi 6E (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.3		
	Bàn phím số	Không có		
	Bảo mật vân tay	Có		
	Bàn phím	Chiclet, có đèn nền		
	Cổng kết nối	1x USB 2.0 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-C (cấp nguồn); 1x USB 3.2 Gen 2 Type-C (xuất hình/cấp nguồn); 1x HDMI 1.4 (1920x1080p/60Hz); 1x jack combo tai nghe 3.5mm; 1x RJ45 Gigabit		
	Âm thanh	Audio by Dirac, loa tích hợp		
	Pin	42WHrs, 3S1P, 3-cell Li-ion		
	Adapter	Type-C, 65W, 20V DC 3.25A, tương thích 100~240V AC 50/60Hz		
	Kích thước (WxHxD)	32.69 x 21.45 x 1.99 cm (12.87" x 8.44" x 0.78")		
	Trọng lượng (có pin)	1.46 kg (3.22 lbs)		
	Trọng lượng (không pin)	1.30 kg (2.87 lbs)		
	Bảo mật	Cảm biến vân tay tích hợp Touchpad; Khe khóa Kensington Nano Security Slot™ (6x 2.5mm); Mật khẩu khởi động BIOS; Mật khẩu thiết lập BIOS; Bảo mật mật khẩu HDD; Hỗ trợ Absolute Persistence 2.0 (Computrace); TPM 2.0		
	Phần mềm diệt virus	Không có		
	Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Sạc bảo vệ pin; Cấu hình quạt; Splendid; Tru2Life; Khóa phím chức năng; WiFi SmartConnect; AppDeals; Liên kết MyASUS		
	Ứng dụng cài sẵn	MyASUS		
	Phụ kiện trong hộp	Chuột quang không dây		
	Chứng nhận & tiêu chuẩn sinh thái	EPEAT Gold; Energy Star 8.0; FSC Mix; REACH; RoHS; TCO Certified		

2	<b>Màn hình led hội trường</b>		Hệ thống	1
2.1	<b>Màn hình Led trong nhà P2.5 kích thước 5400mm x 3200mm</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	m2	17,408
	A. Thông số kỹ thuật chi tiết			
	Hạng mục	Thông số / Mô tả		
	Kích thước hiển thị	5.44m (Rộng) × 3.20m (Cao)		
	Độ phân giải	2176 × 1280 pixel		
	Chủng loại Module LED	Dùng trong nhà, Pixel ≤ 2.5mm		
	Loại bóng LED	SMD2121		
	Mật độ điểm ảnh	≥ 160.000 dot/m <sup>2</sup>		
	Độ sáng	500 cd/m <sup>2</sup>		
	Tần số làm tươi	≥ 4200 Hz		
	Độ tương phản	≥ 5000:1		
	Nhiệt độ màu	2000K – 9300K (Adjustable)		
	Góc nhìn	Ngang 160°, Dọc 140°		
	Độ đồng màu/độ sáng	≥ 98%		
	Tần số khung hình	60 Hz		
	Công suất Max / Typical	≤ 488 W/m <sup>2</sup> / 163 W/m <sup>2</sup>		
	Tiêu chuẩn module LED	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO 45001:2018; ISO/IEC 27001:2022; ISO/IEC 20000-1:2018; IECQ QC 080000:2017 Ed4.0; HXC-HSPMS-R-001		
	Tiêu chuẩn sản phẩm LED đáp ứng	RoHS2.0; EAC; EN 55032:2015+A1:2020; EN 55035:2017+A11:2020; EN IEC 61000-3-2:2019+A1:2021; EN 61000-3-3:2013+A2:2021; EN 62368-1:2014+A11:2017; IEC 62368-1:2018		
	Chỉ số chống cháy	BS 476 Part 7:1997 – Class 2		
	Chứng nhận môi trường	Carbon Footprint – TUV/SGS/Intertek		
	B. Tính năng tích hợp nâng cấp hỗ trợ quản lý màn hình LED (tính phí)			
	Tính năng	Mô tả chi tiết		
	Quản lý từ xa	Cập nhật/ nạp nội dung từ bất kỳ đâu qua Internet		

	Đa vùng hiển thị	Thư viện giao diện đa dạng, tùy chỉnh layout linh hoạt		
	Truyền tải ổn định	Hình ảnh/âm thanh liên tục, không gián đoạn		
	Sắp xếp nội dung	Hỗ trợ kéo-thả, tùy chỉnh thứ tự trên các layout		
	Báo cáo – phân tích	Thống kê số lần phát, thời lượng xem		
	Phân quyền	Thêm người dùng, phân quyền theo nhiệm vụ		
	Hỗ trợ nhiều nguồn	Văn bản, video, hình ảnh, âm thanh, YouTube, website, đồng hồ, thời tiết, logo		
	Bảo mật	Nhiều lớp bảo vệ nội dung và truy cập		
	Giám sát thiết bị	Theo dõi trạng thái thiết bị và nội dung theo thời gian thực		
	Lên lịch phát	Lịch phát theo ngày/giờ, nhiều dải thời gian, theo từng layout		
	Cấu hình phần cứng			
	Media Player	Tích hợp hoặc kết nối thiết bị phát ngoài		
	Kết nối mạng	Wi-Fi hoặc Ethernet		
	Bộ nhớ	32GB		
	Hệ điều hành	Android 12		
	CPU	Rockchip RK3588 (Quad-core A76 + Quad-core A55)		
	RAM	8GB		
	GPU	Mali-G610 MP4, hỗ trợ OpenGL ES 1.1–3.2, OpenCL 2.2, Vulkan 1.2		
	VPU	Decoder 8K@60 H.265/VP9; 8K@30 H.264; Encoder 8K@30 H.264/H.265		
	Storage	32GB		
	Audio	3.5mm stereo output		
	Video Output	2 cổng HDMI (HDMI 2.1/2.0/1.4) – 1 cổng hỗ trợ đến 8K 60Hz; 1 cổng đến 4K 60Hz		
	Nguồn	DC 12V (Jack 5.5×2.1mm & Connector 2-pin 3.5mm)		
	Wi-Fi	AC–867Mbps (2.4/5GHz)		
	Ethernet	2× cổng 2.5G		
2.2	Bộ xử lý hình ảnh	<b>Model:</b> Nhà thầu tự kê khai <b>Hãng sản xuất:</b> Nhà thầu tự kê khai <b>Xuất xứ:</b> Nhà thầu tự kê khai	Bộ	1

	Chức năng	Bộ điều khiển all-in-one tích hợp xử lý video + điều khiển video		
	Khả năng tải tối đa	3.9 triệu điểm ảnh		
	Độ phân giải đầu ra tối đa	Rộng tối đa 10.240 px; Cao tối đa 8.192 px		
	Cổng đầu ra	- 6× Ethernet Gigabit		
		- 1× HDMI 1.3 (màn hình giám sát 1920×1080@60Hz)		
	Cổng đầu vào	- 1× HDMI 2.0 (IN & LOOP)		
		- 2× HDMI 1.3		
		- 1× USB 3.0 (phát nội dung từ USB drive)		
	Xử lý đầu vào	Hỗ trợ tối đa 4K×2K@60Hz; HDMI 2.0 hỗ trợ 8-bit/10-bit/12-bit		
	Âm thanh	Đầu vào/ra audio 3.5mm độc lập + âm thanh đi kèm HDMI		
	Layers (Lớp)	Hỗ trợ 6 lớp; tài nguyên lớp 6× 2K×1K		
		Tùy chọn lớp: 4K×2K (dùng 4 tài nguyên), 4K×1K (2 tài nguyên), 2K×1K (1 tài nguyên)		
		Kích thước – vị trí – độ ưu tiên lớp tùy chỉnh		
	OSD	Hỗ trợ OSD dạng văn bản (tĩnh/động, thời tiết, thời gian) và OSD dạng hình ảnh		
	Tính năng 3D	Hỗ trợ bộ phát 3D EMT200 Pro + kính tương thích		
		Lưu ý: Khi bật 3D dạng Side-by-Side hoặc Top-and-Bottom → dung lượng đầu ra giảm 50%		
	Xử lý video	Công nghệ SuperView III; hỗ trợ điều chỉnh tỉ lệ đầu ra dạng vô cấp (stepless)		
	Chế độ tỉ lệ hình ảnh	- Full screen		
		- Pixel-to-pixel		
		- Custom		
		Hỗ trợ crop tự do & hiển thị full chỉ với 1 click		
	Tiện ích khác	- Quản lý EDID (import/export)		
		- Điều chỉnh màu (Brightness/Saturation/Contrast/Hue)		
	Độ ổn định vận hành	Hoạt động 24/7, đã kiểm tra độ ổn định ở điều kiện nhiệt độ cực cao & cực thấp		

	Chứng chỉ	ISO 9001; ISO 27001		
2.3	<b>Hệ thống khung</b>	- Hệ thống khung sắt mạ kẽm chống rỉ 1 ly2 bao gồm : Sắt hộp 25*50, 30*60, 40*20 - Ốp Aluminium 3li viền màn hình ( Màu viền khách hàng có thể chọn lựa)	Gói	1
2.4	<b>Hệ thống cáp tín hiệu</b>	Điện cấp nguồn: Đầu nguồn điện cấp 2.5mm Dây điện từ nguồn DC ra Module, card 2x0.5mm Cáp tín hiệu 16pin, cáp mạng	Gói	1
2.5	<b>Tủ nguồn chuyên dụng</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Tính năng chính	Chi tiết/Thông số kỹ thuật		
	Đầu vào nguồn	1 pha hoặc 3 pha (3P-5W)		
	Đầu ra nguồn	6 đầu ra 220VAC – 1 phase - L/N/PE		
	Phương thức điều khiển	Bật tắt bằng tay thông qua nút nhấn hoặc từ xa qua remote		
	Bảo vệ mạch	Bảo vệ lộ cấp điện ra màn hình bằng MCB type D		
	Giám sát/Hiển thị	Hiển thị thời gian thực và nhiệt độ phòng		
	Bảo vệ vận hành	Cài đặt bảo vệ quá nhiệt độ vận hành		
	Chức năng tự động	Cài đặt hẹn giờ tự động bật tắt (4 nhóm cài đặt)		
	Quản lý khởi động	Khởi động bằng nhiều cấp tác động giảm thiểu dòng điện khởi động		
	Kết nối nâng cao	Hỗ trợ chức năng kết nối từ xa qua RS485		
	Tích hợp hệ thống	Hỗ trợ kết nối với hệ thống PCCC để ngắt nguồn màn hình khi cần		
	Tích hợp bộ xử lý	Hỗ trợ kết nối với bộ xử lý hình ảnh để ngắt nguồn màn hình khi tắt bộ xử lý (với bộ xử lý có hỗ trợ)		
2.6	<b>Nhân công lắp đặt, cấu hình, triển khai</b>		Gói	1
	Hạng mục Thi công/Lắp đặt	Chi tiết Công việc		
	Thi công Kết cấu Cơ khí	Thiết kế dàn khung sắt cố định và thi công cố định lên bề mặt tường		
	Hoàn thiện Thẩm mỹ	Sơn phết thẩm mỹ, cân chỉnh khung giàn		
	Thi công Hệ thống Dây cáp	Thi công hệ thống cáp điện từ tủ nguồn chính đến màn hình led		

	Lắp đặt Nội bộ	Thi công hệ thống điện, cấp tín hiệu bên trong màn hình led		
	Đấu nối Hệ thống Điện	Đấu nối hệ thống điện màn hình với tủ chính		
	Lắp đặt Linh kiện Điện tử	Lắp đặt kết nối hệ thống card, nguồn, module...		
	Hiệu chỉnh Vật lý	Cân chỉnh độ kích module (đảm bảo độ phẳng và đồng nhất)		
	Cấu hình Phần mềm	Cài đặt phần mềm (cho hệ thống điều khiển và hiển thị)		
	Kiểm tra/Vận hành thử	Chạy thử nghiệm kiểm tra lại hệ thống		
	Chuyển giao Công nghệ	Nhân sự tham gia hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ cho Phòng CNTT		
2.7	<b>Bộ xử lý tín hiệu trung tâm hội thảo</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Bộ	1
	Chức năng & Khả năng Kết nối	Thông số Kỹ thuật & Yêu cầu Kỹ thuật		
	Chức năng Cốt lõi	Hội nghị và thu âm		
	Chức năng Tùy chọn	Hệ thống bỏ phiếu, phiên dịch và theo dõi Video tự động		
	Số lượng Thiết bị	100 thiết bị (kết nối tối đa 1000 thiết bị)		
	Phương thức Điều khiển	Điều khiển cơ chế logic digital Bus, mỗi micro được kết nối với đường dây chính		
	Ngõ ra (Output)	1 với XLR cân bằng, 1 ngõ thu âm, RSS và USB kết nối với máy tính		
	Nguồn điện Yêu cầu	200-240V, 50-60Hz		
	Nguồn điện Tiêu thụ	30W		
	Tần số Đáp ứng	20-20kHz		
	THD (Độ méo sóng hài tổng)	<0.05%		
	Ratio (Tỷ lệ tín hiệu/nhiều)	>75dB		
	Trở kháng Đầu ra	47KOhm		
	Trọng lượng	12,7kg		
	Chất liệu	Nhựa và thép		
	Phụ kiện	Đầy đủ theo máy		
	Hợp lệ Hàng hóa	Cung cấp Test Report, thông số kỹ thuật xác nhận của nhà sản xuất		

2.8	<b>Micro cỡ ngỗng đại biểu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	4
	Thông số Kết nối & Vận hành	Thông số Âm thanh & Cấu tạo Vật lý		
	Số lượng Kết nối	100 thiết bị (trên cùng hệ thống)		
	Nguồn điện	24V của CS-900 (Bộ điều khiển trung tâm)		
	Trình Điều khiển	Điều khiển cơ chế logic digital Bus, mỗi micro được kết nối với đường dây chính		
	Tính năng Hợp lệ	Cung cấp Test Report, thông số kỹ thuật xác nhận của nhà sản xuất		
	Khoảng cách Thu giọng	Tối đa 15-60cm		
	Độ nhạy	-44dB		
	Tần số Đáp ứng	30-20KHz		
	Chiều dài Cổ ngỗng	600mm		
	Kích thước	150(W) x 135(D) x 53(H)mm		
	Trọng lượng	0,5kg		
	Phụ kiện	Đầy đủ phụ kiện theo máy		
2.9	<b>Máy tính xách tay quân trị, trình chiếu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Vỏ màn hình	Nhựa		
	Màu vỏ màn hình	Đen Star Black		
	Vỏ trên	Nhựa		
	Màu vỏ trên	Đen Star Black		
	Vỏ dưới	Nhựa		
	Màu vỏ dưới	Đen Star Black		
	Độ bền quân sự	Chuẩn quân đội Mỹ US MIL-STD 810H		
	Kích thước màn hình	14.0 inch		
	Đèn nền	LED Backlit		
	Độ sáng	250 nits		
	Độ phân giải	FHD (1920 x 1080), tỷ lệ 16:9		
	Chống chói	Màn hình chống lóa		
	Dải màu	NTSC: 45%		
	Góc nhìn (Ngang/Dọc)	90°/65°		
	Thời gian phản hồi	10/20 ms		
	Tần số quét	60Hz		

Tỷ lệ tương phản	500:01:00		
Cảm ứng	Không cảm ứng		
Tỷ lệ màn hình/thân máy	81%		
Tấm nền	TN		
Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-1335U 1.3GHz (Bộ nhớ đệm 12MB, tối đa 4.6GHz, 10 nhân)		
Đồ họa	Intel® UHD Graphics (dùng chung bộ nhớ)		
Khe cắm mở rộng	1x DDR4 SO-DIMM, 1x M.2 2280 PCIe 4.0x4		
RAM hàn sẵn	8GB DDR4 on board		
Tổng RAM hệ thống	DDR4 8GB		
Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
Camera trước	720p HD, có màn che bảo mật		
Kết nối không dây	Wi-Fi 6E (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.3		
Bàn phím số	Không có		
Bảo mật vân tay	Có		
Bàn phím	Chiclet, có đèn nền		
Cổng kết nối	1x USB 2.0 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-C (cấp nguồn); 1x USB 3.2 Gen 2 Type-C (xuất hình/cấp nguồn); 1x HDMI 1.4 (1920x1080p/60Hz); 1x jack combo tai nghe 3.5mm; 1x RJ45 Gigabit		
Âm thanh	Audio by Dirac, loa tích hợp		
Pin	42WHrs, 3S1P, 3-cell Li-ion		
Adapter	Type-C, 65W, 20V DC 3.25A, tương thích 100~240V AC 50/60Hz		
Kích thước (WxHxD)	32.69 x 21.45 x 1.99 cm (12.87" x 8.44" x 0.78")		
Trọng lượng (có pin)	1.46 kg (3.22 lbs)		
Trọng lượng (không pin)	1.30 kg (2.87 lbs)		
Bảo mật	Cảm biến vân tay tích hợp Touchpad; Khe khóa Kensington Nano Security Slot™ (6x 2.5mm); Mật khẩu khởi động BIOS; Mật khẩu thiết lập BIOS; Bảo mật mật khẩu HDD; Hỗ trợ Absolute Persistence 2.0 (Computrace); TPM 2.0		
Phần mềm diệt virus	Không có		

	Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Sạc bảo vệ pin; Cấu hình quạt; Splendid; Tru2Life; Khóa phím chức năng; WiFi SmartConnect; AppDeals; Liên kết MyASUS		
	Ứng dụng cài sẵn	MyASUS		
	Phụ kiện trong hộp	Chuột quang không dây		
	Chứng nhận & tiêu chuẩn sinh thái	EPEAT Gold; Energy Star 8.0; FSC Mix; REACH; RoHS; TCO Certified		
<b>3</b>	<b>Quạt hơi nước</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	4
	Thông số Cơ bản & Hoạt động	Tính năng Bổ sung & Tiện ích		
	Loại Sản Phẩm	Máy làm mát (Quạt điều hòa)		
	Dung Tích	15 Lít (Dung tích bình chứa nước)		
	Lưu Lượng Gió	1000 m <sup>3</sup> /h		
	Tốc Độ Gió	3 mức gió		
	Chế Độ Gió	Gió ngủ, Gió tự nhiên, Gió thường		
	Điều khiển Từ Xa	Có		
	Hẹn Giờ	Có		
	Lọc Không khí	Tạo ion lọc không khí		
	Đảo Gió	Đảo gió 4 chiều		
	Quản lý Nước	Có thang đo hiển thị mực nước		
	Vệ sinh	Có van xả cặn khoang chứa nước		
<b>III</b>	<b>Công an xã</b>			
<b>1</b>	<b>Máy in 2 mặt</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	2
	Màn hình	Cảm ứng màu trực quan 2,7 "(6,86 cm) (CGD)		
	In đảo mặt	Có		
	Tốc độ in	40-42 tờ/phút		
	Tốc độ bộ xử lý	1200 MHz		
	Bộ nhớ	512 MB		
	Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Windows 7; Hệ điều hành máy khách Windows		
		Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur;		
		macOS 12 Monterey; Hệ điều hành Chrome		

	Đầu vào xử lý giấy	Khay 100 tờ 1, khay tiếp giấy 250 tờ 2; Khay nạp tài liệu tự động 50 tờ (ADF)		
	Đầu ra xử lý giấy	Ngăn giấy ra 150 tờ		
	Kích thước giấy	Khay 1: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm), Bưu thiếp Nhật Bản; Double Japan Postcard Xoay; Phong bì # 10; Envelope Monarch; Phong bì B5; Phong bì C5; DL phong bì		
		Khay 2 & Khay 3: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm); Kích thước tùy chỉnh; A5-R; 4 x 6 in; B6 (JIS)		
	Loại máy quét	Phẳng, ADF		
	Định dạng tệp quét	PDF, JPG, TIFF		
	Độ phân giải	1200 x 1200 dpi		
	Kích thước quét (ADF)	Tối đa: 216 x 356 mm		
		Tối thiểu: 102 x 152 mm		
	Công nghệ quét	Cảm biến hình ảnh tiếp xúc (CIS)		
	Dung lượng khay nạp tài liệu tự động	Tiêu chuẩn, 50 tờ		
	Quét ADF hai mặt	Có		
<b>IV</b>	<b>Trung tâm dịch vụ tổng hợp</b>			
<b>1</b>	<b>Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	<b>Bộ</b>	<b>1</b>
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-14500 2.6GHz (Bộ nhớ đệm 24MB, tối đa 5.0GHz, 14 nhân, 20 luồng)		
	Chipset	Intel® B760 Chipset		
	Bộ nhớ RAM	8GB DDR5 U-DIMM		
	Tốc độ RAM	5600MHz, nhưng chạy ở mức 4000~4400MHz		
	RAM tối đa	64GB		
	Đồ họa tích hợp	Intel® UHD Graphics 770		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Ổ đĩa quang	Không có		

Mạng LAN	Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro		
Âm thanh	Âm thanh 7.1 kênh chuẩn HD		
Không dây	Wi-Fi 6 (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.4		
Nguồn điện	180W (80+ Bronze, công suất cực đại 228W)		
Cổng kết nối phía sau (Rear I/O Port)	1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA; 1x âm thanh 7.1 kênh (mic, line-out, line-in); 1x khóa Kensington; 1x vòng khóa Padlock; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A		
Cổng kết nối phía trước (Front I/O Port)	1x cổng tai nghe; 1x jack âm thanh combo 3.5mm; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A		
Khoang ổ cứng (Drive Bay)	1x 2.5"; 1x 3.5"		
Serial ATA	4x SATA 6.0Gb/s		
Khe mở rộng (Expansion Slot)	1x PCIe® 4.0 x16; 2x PCIe® 3.0 x1; 1x M.2 2280 cho lưu trữ; 1x M.2 2280/2230 cho lưu trữ; 1x M.2 cho WiFi; 2x khe RAM DDR5 U-DIMM		
Bàn phím & Chuột	Bàn phím có dây (USB); Chuột quang có dây (USB)		
Kích thước (WxDxH)	15.50 x 29.60 x 34.70 cm (6.10" x 11.65" x 13.66")		
Trọng lượng	6.00 kg (13.23 lbs)		
Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Hồ sơ quạt; AppDeals		
Bảo mật	Bảo vệ mật khẩu người dùng HDD; Khe khóa Kensington Security Slot™ (7x 3mm); Vòng khóa Padlock; Trusted Platform Module (Firmware TPM)		
Phần mềm diệt virus	McAfee® dùng thử 30 ngày		
TPM	Trusted Platform Module (TPM) 2.0		
Chứng nhận sinh thái	Không có		
Bảo hành cơ bản	2 năm dịch vụ tại chỗ (OnSite)		
Loại màn hình	Phẳng		
Kích thước màn hình	23.8 inch		
Độ phân giải	Full HD (1920 x 1080)		
Màn hình cảm ứng	Không cảm ứng		

	Tấm nền	IPS		
	Tần số quét	120 Hz		
	Thời gian đáp ứng	1ms (MPRT)		
	Công nghệ màn hình	Chống nháy (Flicker-free); Shadow Boost; Motion Sync; HDCP 1.4; GameFast Input; Eye Care+; QuickFit; Nhiệt độ màu (4 chế độ); Trace Free; SPLENDID; GamePlus; Low Blue Light; Adaptive-Sync		
	Độ phủ màu	99% sRGB		
	Số lượng màu	16.7 triệu màu		
	Độ sáng	300 cd/m <sup>2</sup>		
	Độ tương phản tĩnh	1500:01:00		
	Góc nhìn	178° (Dọc) / 178° (Ngang)		
	Tính đồng bộ:	Linh kiện máy tính và màn hình phải đồng bộ Hãng sản xuất		
2	Máy tính xách tay	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Vỏ màn hình	Nhựa		
	Màu vỏ màn hình	Đen Star Black		
	Vỏ trên	Nhựa		
	Màu vỏ trên	Đen Star Black		
	Vỏ dưới	Nhựa		
	Màu vỏ dưới	Đen Star Black		
	Độ bền quân sự	Chuẩn quân đội Mỹ US MIL-STD 810H		
	Kích thước màn hình	14.0 inch		
	Đèn nền	LED Backlit		
	Độ sáng	250 nits		
	Độ phân giải	FHD (1920 x 1080), tỷ lệ 16:9		
	Chống chói	Màn hình chống lóa		
	Dải màu	NTSC: 45%		
	Góc nhìn (Ngang/Dọc)	90°/65°		
	Thời gian phản hồi	10/20 ms		
	Tần số quét	60Hz		
	Tỷ lệ tương phản	500:01:00		
	Cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tỷ lệ màn hình/thân máy	81%		

Tấm nền	TN		
Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-1335U 1.3GHz (Bộ nhớ đệm 12MB, tối đa 4.6GHz, 10 nhân)		
Đồ họa	Intel® UHD Graphics (dùng chung bộ nhớ)		
Khe cắm mở rộng	1x DDR4 SO-DIMM, 1x M.2 2280 PCIe 4.0x4		
RAM hàn sẵn	8GB DDR4 on board		
Tổng RAM hệ thống	DDR4 8GB		
Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
Camera trước	720p HD, có màn che bảo mật		
Kết nối không dây	Wi-Fi 6E (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.3		
Bàn phím số	Không có		
Bảo mật vân tay	Có		
Bàn phím	Chiclet, có đèn nền		
Cổng kết nối	1x USB 2.0 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-C (cấp nguồn); 1x USB 3.2 Gen 2 Type-C (xuất hình/cấp nguồn); 1x HDMI 1.4 (1920x1080p/60Hz); 1x jack combo tai nghe 3.5mm; 1x RJ45 Gigabit		
Âm thanh	Audio by Dirac, loa tích hợp		
Pin	42WHrs, 3S1P, 3-cell Li-ion		
Adapter	Type-C, 65W, 20V DC 3.25A, tương thích 100~240V AC 50/60Hz		
Kích thước (WxHxD)	32.69 x 21.45 x 1.99 cm (12.87" x 8.44" x 0.78")		
Trọng lượng (có pin)	1.46 kg (3.22 lbs)		
Trọng lượng (không pin)	1.30 kg (2.87 lbs)		
Bảo mật	Cảm biến vân tay tích hợp Touchpad; Khe khóa Kensington Nano Security Slot™ (6x 2.5mm); Mật khẩu khởi động BIOS; Mật khẩu thiết lập BIOS; Bảo mật mật khẩu HDD; Hỗ trợ Absolute Persistence 2.0 (Computrace); TPM 2.0		
Phần mềm diệt virus	Không có		
Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Sạc bảo vệ pin; Cấu hình quạt; Splendid; Tru2Life; Khóa phím chức năng; WiFi SmartConnect; AppDeals; Liên kết MyASUS		

	Ứng dụng cài sẵn	MyASUS		
	Phụ kiện trong hộp	Chuột quang không dây		
	Chứng nhận & tiêu chuẩn sinh thái	EPEAT Gold; Energy Star 8.0; FSC Mix; REACH; RoHS; TCO Certified		
3	<b>Máy in 2 mặt</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Màn hình	Cảm ứng màu trực quan 2,7 "(6,86 cm) (CGD)		
	In đảo mặt	Có		
	Tốc độ in	40-42 tờ/phút		
	Tốc độ bộ xử lý	1200 MHz		
	Bộ nhớ	512 MB		
	Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Windows 7; Hệ điều hành máy khách Windows		
		Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur;		
		macOS 12 Monterey; Hệ điều hành Chrome		
	Đầu vào xử lý giấy	Khay 100 tờ 1, khay tiếp giấy 250 tờ 2; Khay nạp tài liệu tự động 50 tờ (ADF)		
	Đầu ra xử lý giấy	Ngăn giấy ra 150 tờ		
	Kích thước giấy	Khay 1: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm), Bưu thiếp Nhật Bản; Double Japan Postcard Xoay; Phong bì # 10; Envelope Monarch; Phong bì B5; Phong bì C5; DL phong bì		
		Khay 2 & Khay 3: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm); Kích thước tùy chỉnh; A5-R; 4 x 6 in; B6 (JIS)		
	Loại máy quét	Phẳng, ADF		
	Định dạng tệp quét	PDF, JPG, TIFF		
	Độ phân giải	1200 x 1200 dpi		
	Kích thước quét (ADF)	Tối đa: 216 x 356 mm		
		Tối thiểu: 102 x 152 mm		
	Công nghệ quét	Cảm biến hình ảnh tiếp xúc (CIS)		

	Dung lượng khay nạp tài liệu tự động	Tiêu chuẩn, 50 tờ		
	Quét ADF hai mặt	Có		
<b>V</b>	<b>UBMTTQ VN (ĐTN) xã</b>			
<b>1</b>	<b>Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	<b>Bộ</b>	<b>2</b>
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-14500 2.6GHz (Bộ nhớ đệm 24MB, tối đa 5.0GHz, 14 nhân, 20 luồng)		
	Chipset	Intel® B760 Chipset		
	Bộ nhớ RAM	8GB DDR5 U-DIMM		
	Tốc độ RAM	5600MHz, nhưng chạy ở mức 4000~4400MHz		
	RAM tối đa	64GB		
	Đồ họa tích hợp	Intel® UHD Graphics 770		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Ổ đĩa quang	Không có		
	Mạng LAN	Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro		
	Âm thanh	Âm thanh 7.1 kênh chuẩn HD		
	Không dây	Wi-Fi 6 (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.4		
	Nguồn điện	180W (80+ Bronze, công suất cực đại 228W)		
	Cổng kết nối phía sau (Rear I/O Port)	1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA; 1x âm thanh 7.1 kênh (mic, line-out, line-in); 1x khóa Kensington; 1x vòng khóa Padlock; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A		
	Cổng kết nối phía trước (Front I/O Port)	1x cổng tai nghe; 1x jack âm thanh combo 3.5mm; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A		
	Khoang ổ cứng (Drive Bay)	1x 2.5"; 1x 3.5"		
	Serial ATA	4x SATA 6.0Gb/s		
	Khe mở rộng (Expansion Slot)	1x PCIe® 4.0 x16; 2x PCIe® 3.0 x1; 1x M.2 2280 cho lưu trữ; 1x M.2 2280/2230		

		cho lưu trữ; 1x M.2 cho WiFi; 2x khe RAM DDR5 U-DIMM		
	Bàn phím & Chuột	Bàn phím có dây (USB); Chuột quang có dây (USB)		
	Kích thước (WxDxH)	15.50 x 29.60 x 34.70 cm (6.10" x 11.65" x 13.66")		
	Trọng lượng	6.00 kg (13.23 lbs)		
	Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Hồ sơ quạt; AppDeals		
	Bảo mật	Bảo vệ mật khẩu người dùng HDD; Khe khóa Kensington Security Slot™ (7x 3mm); Vòng khóa Padlock; Trusted Platform Module (Firmware TPM)		
	Phần mềm diệt virus	McAfee® dùng thử 30 ngày		
	TPM	Trusted Platform Module (TPM) 2.0		
	Chứng nhận sinh thái	Không có		
	Bảo hành cơ bản	2 năm dịch vụ tại chỗ (OnSite)		
	Loại màn hình	Phẳng		
	Kích thước màn hình	23.8 inch		
	Độ phân giải	Full HD (1920 x 1080)		
	Màn hình cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tấm nền	IPS		
	Tần số quét	120 Hz		
	Thời gian đáp ứng	1ms (MPRT)		
	Công nghệ màn hình	Chống nháy (Flicker-free); Shadow Boost; Motion Sync; HDCP 1.4; GameFast Input; Eye Care+; QuickFit; Nhiệt độ màu (4 chế độ); Trace Free; SPLENDID; GamePlus; Low Blue Light; Adaptive-Sync		
	Độ phủ màu	99% sRGB		
	Số lượng màu	16.7 triệu màu		
	Độ sáng	300 cd/m <sup>2</sup>		
	Độ tương phản tĩnh	1500:01:00		
	Góc nhìn	178° (Dọc) / 178° (Ngang)		
	Tính đồng bộ:	Linh kiện máy tính và màn hình phải đồng bộ Hãng sản xuất		
2	Máy in 2 mặt	<b>Model:</b> Nhà thầu tự kê khai <b>Hãng sản xuất:</b> Nhà thầu tự kê khai <b>Xuất xứ:</b> Nhà thầu tự kê khai	Cái	2

	Màn hình	Cảm ứng màu trực quan 2,7 "(6,86 cm) (CGD)		
	In đảo mặt	Có		
	Tốc độ in	40-42 tờ/phút		
	Tốc độ bộ xử lý	1200 MHz		
	Bộ nhớ	512 MB		
	Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Windows 7; Hệ điều hành máy khách Windows		
		Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur;		
		macOS 12 Monterey; Hệ điều hành Chrome		
	Đầu vào xử lý giấy	Khay 100 tờ 1, khay tiếp giấy 250 tờ 2; Khay nạp tài liệu tự động 50 tờ (ADF)		
	Đầu ra xử lý giấy	Ngăn giấy ra 150 tờ		
	Kích thước giấy	Khay 1: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm), Bưu thiếp Nhật Bản; Double Japan Postcard Xoay; Phong bì # 10; Envelope Monarch; Phong bì B5; Phong bì C5; DL phong bì		
		Khay 2 & Khay 3: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm); Kích thước tùy chỉnh; A5-R; 4 x 6 in; B6 (JIS)		
	Loại máy quét	Phẳng, ADF		
	Định dạng tệp quét	PDF, JPG, TIFF		
	Độ phân giải	1200 x 1200 dpi		
	Kích thước quét (ADF)	Tối đa: 216 x 356 mm		
		Tối thiểu: 102 x 152 mm		
	Công nghệ quét	Cảm biến hình ảnh tiếp xúc (CIS)		
	Dung lượng khay nạp tài liệu tự động	Tiêu chuẩn, 50 tờ		
	Quét ADF hai mặt	Có		
<b>VI</b>	<b>Hội Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ</b>			

1	<b>Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Bộ	1
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-14500 2.6GHz (Bộ nhớ đệm 24MB, tối đa 5.0GHz, 14 nhân, 20 luồng)		
	Chipset	Intel® B760 Chipset		
	Bộ nhớ RAM	8GB DDR5 U-DIMM		
	Tốc độ RAM	5600MHz, nhưng chạy ở mức 4000~4400MHz		
	RAM tối đa	64GB		
	Đồ họa tích hợp	Intel® UHD Graphics 770		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Ổ đĩa quang	Không có		
	Mạng LAN	Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro		
	Âm thanh	Âm thanh 7.1 kênh chuẩn HD		
	Không dây	Wi-Fi 6 (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.4		
	Nguồn điện	180W (80+ Bronze, công suất cực đại 228W)		
	Cổng kết nối phía sau (Rear I/O Port)	1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA; 1x âm thanh 7.1 kênh (mic, line-out, line-in); 1x khóa Kensington; 1x vòng khóa Padlock; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A		
	Cổng kết nối phía trước (Front I/O Port)	1x cổng tai nghe; 1x jack âm thanh combo 3.5mm; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A		
	Khoang ổ cứng (Drive Bay)	1x 2.5"; 1x 3.5"		
	Serial ATA	4x SATA 6.0Gb/s		
	Khe mở rộng (Expansion Slot)	1x PCIe® 4.0 x16; 2x PCIe® 3.0 x1; 1x M.2 2280 cho lưu trữ; 1x M.2 2280/2230 cho lưu trữ; 1x M.2 cho WiFi; 2x khe RAM DDR5 U-DIMM		
	Bàn phím & Chuột	Bàn phím có dây (USB); Chuột quang có dây (USB)		

	Kích thước (WxDxH)	15.50 x 29.60 x 34.70 cm (6.10" x 11.65" x 13.66")		
	Trọng lượng	6.00 kg (13.23 lbs)		
	Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Hồ sơ quét; AppDeals		
	Bảo mật	Bảo vệ mật khẩu người dùng HDD; Khe khóa Kensington Security Slot™ (7x 3mm); Vòng khóa Padlock; Trusted Platform Module (Firmware TPM)		
	Phần mềm diệt virus	McAfee® dùng thử 30 ngày		
	TPM	Trusted Platform Module (TPM) 2.0		
	Chứng nhận sinh thái	Không có		
	Bảo hành cơ bản	2 năm dịch vụ tại chỗ (OnSite)		
	Loại màn hình	Phẳng		
	Kích thước màn hình	23.8 inch		
	Độ phân giải	Full HD (1920 x 1080)		
	Màn hình cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tấm nền	IPS		
	Tần số quét	120 Hz		
	Thời gian đáp ứng	1ms (MPRT)		
	Công nghệ màn hình	Chống nháy (Flicker-free); Shadow Boost; Motion Sync; HDCP 1.4; GameFast Input; Eye Care+; QuickFit; Nhiệt độ màu (4 chế độ); Trace Free; SPLENDID; GamePlus; Low Blue Light; Adaptive-Sync		
	Độ phủ màu	99% sRGB		
	Số lượng màu	16.7 triệu màu		
	Độ sáng	300 cd/m <sup>2</sup>		
	Độ tương phản tĩnh	1500:01:00		
	Góc nhìn	178° (Dọc) / 178° (Ngang)		
	Tính đồng bộ:	Linh kiện máy tính và màn hình phải đồng bộ Hãng sản xuất		
2	Máy in 2 mặt	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Màn hình	Cảm ứng màu trực quan 2,7 "(6,86 cm) (CGD)		
	In đảo mặt	Có		
	Tốc độ in	40-42 tờ/phút		
	Tốc độ bộ xử lý	1200 MHz		

	Bộ nhớ	512 MB		
	Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Windows 7; Hệ điều hành máy khách Windows		
		Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur;		
		macOS 12 Monterey; Hệ điều hành Chrome		
	Đầu vào xử lý giấy	Khay 100 tờ 1, khay tiếp giấy 250 tờ 2; Khay nạp tài liệu tự động 50 tờ (ADF)		
	Đầu ra xử lý giấy	Ngăn giấy ra 150 tờ		
	Kích thước giấy	Khay 1: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm), Bưu thiếp Nhật Bản; Double Japan Postcard Xoay; Phong bì # 10; Envelope Monarch; Phong bì B5; Phong bì C5; DL phong bì		
		Khay 2 & Khay 3: A4; A5; A6; B5 (JIS); Oficio (216 x 340 mm); 16K (195 x 270 mm); 16K (184 x 260 mm); 16K (197 x 273 mm); Kích thước tùy chỉnh; A5-R; 4 x 6 in; B6 (JIS)		
	Loại máy quét	Phẳng, ADF		
	Định dạng tệp quét	PDF, JPG, TIFF		
	Độ phân giải	1200 x 1200 dpi		
	Kích thước quét (ADF)	Tối đa: 216 x 356 mm		
		Tối thiểu: 102 x 152 mm		
	Công nghệ quét	Cảm biến hình ảnh tiếp xúc (CIS)		
	Dung lượng khay nạp tài liệu tự động	Tiêu chuẩn, 50 tờ		
	Quét ADF hai mặt	Có		
<b>VII</b>	<b>Ban xây dựng Đảng</b>			
<b>1</b>	<b>Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	<b>Bộ</b>	<b>2</b>
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-14500 2.6GHz (Bộ nhớ đệm 24MB, tối đa 5.0GHz, 14 nhân, 20 luồng)		

Chipset	Intel® B760 Chipset		
Bộ nhớ RAM	8GB DDR5 U-DIMM		
Tốc độ RAM	5600MHz, nhưng chạy ở mức 4000~4400MHz		
RAM tối đa	64GB		
Đồ họa tích hợp	Intel® UHD Graphics 770		
Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
Ổ đĩa quang	Không có		
Mạng LAN	Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro		
Âm thanh	Âm thanh 7.1 kênh chuẩn HD		
Không dây	Wi-Fi 6 (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.4		
Nguồn điện	180W (80+ Bronze, công suất cực đại 228W)		
Cổng kết nối phía sau (Rear I/O Port)	1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA; 1x âm thanh 7.1 kênh (mic, line-out, line-in); 1x khóa Kensington; 1x vòng khóa Padlock; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A		
Cổng kết nối phía trước (Front I/O Port)	1x cổng tai nghe; 1x jack âm thanh combo 3.5mm; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A		
Khoang ổ cứng (Drive Bay)	1x 2.5"; 1x 3.5"		
Serial ATA	4x SATA 6.0Gb/s		
Khe mở rộng (Expansion Slot)	1x PCIe® 4.0 x16; 2x PCIe® 3.0 x1; 1x M.2 2280 cho lưu trữ; 1x M.2 2280/2230 cho lưu trữ; 1x M.2 cho WiFi; 2x khe RAM DDR5 U-DIMM		
Bàn phím & Chuột	Bàn phím có dây (USB); Chuột quang có dây (USB)		
Kích thước (WxDxH)	15.50 x 29.60 x 34.70 cm (6.10" x 11.65" x 13.66")		
Trọng lượng	6.00 kg (13.23 lbs)		
Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Hồ sơ quạt; AppDeals		
Bảo mật	Bảo vệ mật khẩu người dùng HDD; Khe khóa Kensington Security Slot™ (7x 3mm); Vòng khóa Padlock; Trusted Platform Module (Firmware TPM)		

	Phần mềm diệt virus	McAfee® dùng thử 30 ngày		
	TPM	Trusted Platform Module (TPM) 2.0		
	Chứng nhận sinh thái	Không có		
	Bảo hành cơ bản	2 năm dịch vụ tại chỗ (OnSite)		
	Loại màn hình	Phẳng		
	Kích thước màn hình	23.8 inch		
	Độ phân giải	Full HD (1920 x 1080)		
	Màn hình cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tấm nền	IPS		
	Tần số quét	120 Hz		
	Thời gian đáp ứng	1ms (MPRT)		
	Công nghệ màn hình	Chống nháy (Flicker-free); Shadow Boost; Motion Sync; HDCP 1.4; GameFast Input; Eye Care+; QuickFit; Nhiệt độ màu (4 chế độ); Trace Free; SPLENDID; GamePlus; Low Blue Light; Adaptive-Sync		
	Độ phủ màu	99% sRGB		
	Số lượng màu	16.7 triệu màu		
	Độ sáng	300 cd/m <sup>2</sup>		
	Độ tương phản tĩnh	1500:01:00		
	Góc nhìn	178° (Dọc) / 178° (Ngang)		
	Tính đồng bộ:	Linh kiện máy tính và màn hình phải đồng bộ Hãng sản xuất		
<b>VIII</b>	<b>UBKT Đăng ủy</b>			
<b>1</b>	<b>Máy tính để bàn đồng bộ thương hiệu</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	<b>Bộ</b>	<b>1</b>
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-14500 2.6GHz (Bộ nhớ đệm 24MB, tối đa 5.0GHz, 14 nhân, 20 luồng)		
	Chipset	Intel® B760 Chipset		
	Bộ nhớ RAM	8GB DDR5 U-DIMM		
	Tốc độ RAM	5600MHz, nhưng chạy ở mức 4000~4400MHz		
	RAM tối đa	64GB		
	Đồ họa tích hợp	Intel® UHD Graphics 770		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Ổ đĩa quang	Không có		

Mạng LAN	Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro		
Âm thanh	Âm thanh 7.1 kênh chuẩn HD		
Nguồn điện	180W (80+ Bronze, công suất cực đại 228W)		
Cổng kết nối phía sau (Rear I/O Port)	1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA; 1x âm thanh 7.1 kênh (mic, line-out, line-in); 1x khóa Kensington; 1x vòng khóa Padlock; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A		
Cổng kết nối phía trước (Front I/O Port)	1x cổng tai nghe; 1x jack âm thanh combo 3.5mm; 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A		
Khoang ổ cứng (Drive Bay)	1x 2.5"; 1x 3.5"		
Serial ATA	4x SATA 6.0Gb/s		
Khe mở rộng (Expansion Slot)	1x PCIe® 4.0 x16; 2x PCIe® 3.0 x1; 1x M.2 2280 cho lưu trữ; 1x M.2 2280/2230 cho lưu trữ; 1x M.2 cho WiFi; 2x khe RAM DDR5 U-DIMM		
Bàn phím & Chuột	Bàn phím có dây (USB); Chuột quang có dây (USB)		
Kích thước (WxDxH)	15.50 x 29.60 x 34.70 cm (6.10" x 11.65" x 13.66")		
Trọng lượng	6.00 kg (13.23 lbs)		
Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Hồ sơ quạt; AppDeals		
Bảo mật	Bảo vệ mật khẩu người dùng HDD; Khe khóa Kensington Security Slot™ (7x 3mm); Vòng khóa Padlock; Trusted Platform Module (Firmware TPM)		
Phần mềm diệt virus	McAfee® dùng thử 30 ngày		
TPM	Trusted Platform Module (TPM) 2.0		
Chứng nhận sinh thái	Không có		
Bảo hành cơ bản	2 năm dịch vụ tại chỗ (OnSite)		
Loại màn hình	Phẳng		
Kích thước màn hình	23.8 inch		
Độ phân giải	Full HD (1920 x 1080)		
Màn hình cảm ứng	Không cảm ứng		
Tấm nền	IPS		
Tần số quét	120 Hz		

	Thời gian đáp ứng	1ms (MPRT)		
	Công nghệ màn hình	Chống nháy (Flicker-free); Shadow Boost; Motion Sync; HDCP 1.4; GameFast Input; Eye Care+; QuickFit; Nhiệt độ màu (4 chế độ); Trace Free; SPLENDID; GamePlus; Low Blue Light; Adaptive-Sync		
	Độ phủ màu	99% sRGB		
	Số lượng màu	16.7 triệu màu		
	Độ sáng	300 cd/m <sup>2</sup>		
	Độ tương phản tĩnh	1500:01:00		
	Góc nhìn	178° (Dọc) / 178° (Ngang)		
	Tính đồng bộ:	Linh kiện máy tính và màn hình phải đồng bộ Hãng sản xuất		
<b>2</b>	<b>Máy tính xách tay</b>	<b>Model: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Hãng sản xuất: Nhà thầu tự kê khai</b> <b>Xuất xứ: Nhà thầu tự kê khai</b>	Cái	1
	Hệ điều hành	Windows 11 Home		
	Vỏ màn hình	Nhựa		
	Màu vỏ màn hình	Đen Star Black		
	Vỏ trên	Nhựa		
	Màu vỏ trên	Đen Star Black		
	Vỏ dưới	Nhựa		
	Màu vỏ dưới	Đen Star Black		
	Độ bền quân sự	Chuẩn quân đội Mỹ US MIL-STD 810H		
	Kích thước màn hình	14.0 inch		
	Đèn nền	LED Backlit		
	Độ sáng	250 nits		
	Độ phân giải	FHD (1920 x 1080), tỷ lệ 16:9		
	Chống chói	Màn hình chống lóa		
	Dải màu	NTSC: 45%		
	Góc nhìn (Ngang/Dọc)	90°/65°		
	Thời gian phản hồi	10/20 ms		
	Tần số quét	60Hz		
	Tỷ lệ tương phản	500:01:00		
	Cảm ứng	Không cảm ứng		
	Tỷ lệ màn hình/thân máy	81%		
	Tấm nền	TN		
	Bộ vi xử lý	Intel® Core™ i5-1335U 1.3GHz (Bộ nhớ đệm 12MB, tối đa 4.6GHz, 10 nhân)		

	Đồ họa	Intel® UHD Graphics (dùng chung bộ nhớ)		
	Khe cắm mở rộng	1x DDR4 SO-DIMM, 1x M.2 2280 PCIe 4.0x4		
	RAM hàn sẵn	8GB DDR4 on board		
	Tổng RAM hệ thống	DDR4 8GB		
	Ổ lưu trữ	512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD		
	Camera trước	720p HD, có màn che bảo mật		
	Kết nối không dây	Wi-Fi 6E (802.11ax) băng tần kép 2x2 + Bluetooth® 5.3		
	Bàn phím số	Không có		
	Bảo mật vân tay	Có		
	Bàn phím	Chiclet, có đèn nền		
	Cổng kết nối	1x USB 2.0 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 1 Type-C (cấp nguồn); 1x USB 3.2 Gen 2 Type-C (xuất hình/cấp nguồn); 1x HDMI 1.4 (1920x1080p/60Hz); 1x jack combo tai nghe 3.5mm; 1x RJ45 Gigabit		
	Âm thanh	Audio by Dirac, loa tích hợp		
	Pin	42WHrs, 3S1P, 3-cell Li-ion		
	Adapter	Type-C, 65W, 20V DC 3.25A, tương thích 100~240V AC 50/60Hz		
	Kích thước (WxHxD)	32.69 x 21.45 x 1.99 cm (12.87" x 8.44" x 0.78")		
	Trọng lượng (có pin)	1.46 kg (3.22 lbs)		
	Trọng lượng (không pin)	1.30 kg (2.87 lbs)		
	Bảo mật	Cảm biến vân tay tích hợp Touchpad; Khe khóa Kensington Nano Security Slot™ (6x 2.5mm); Mật khẩu khởi động BIOS; Mật khẩu thiết lập BIOS; Bảo mật mật khẩu HDD; Hỗ trợ Absolute Persistence 2.0 (Computrace); TPM 2.0		
	Phần mềm diệt virus	Không có		
	Tính năng MyASUS	Chẩn đoán hệ thống; Sạc bảo vệ pin; Cấu hình quạt; Splendid; Tru2Life; Khóa phím chức năng; WiFi SmartConnect; AppDeals; Liên kết MyASUS		
	Ứng dụng cài sẵn	MyASUS		
	Phụ kiện trong hộp	Chuột quang không dây		

	Chứng nhận & tiêu chuẩn sinh thái	EPEAT Gold; Energy Star 8.0; FSC Mix; REACH; RoHS; TCO Certified		
<b>IX</b>	<b>Chi phí chung</b>			
<b>1</b>	Vận chuyển, cài đặt, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng	Nhà thầu đề xuất	Gói	1